ĐẠI HỌC DUY TÂN
TRUNG TÂM TIN HỌC

BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT ĐỢT 1 THÁNG 10/2026
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN NÂNG CAO

Thời gian: 15h00 * Ngày thi: 17/10/2026

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
1	30206553460	Bùi Thị Phước	An	17/12/2004	Đà Nẵng	32TBN6	8.7	3.5	Không Đạt	
2	28204455009	Lê Lan	Anh	23/09/2003	Đà Nẵng	31SBN8	5.7	2.3	Không Đạt	
3	28206251968	Nguyễn Phạm Việt	Anh	13/11/2004	Quảng Trị	32CHT5	7.0	5.3	Đạt	
4	28208238108	Trần Thị	Ánh	22/11/2004	Lâm Đồng	32TYC6	V	V	Không Đạt	
5	28212205853	Trần Quốc	Âu	06/02/2004	Quảng Nam	32CYC3	7.0	6.3	Đạt	
6	28214306826	Lê Quốc	Bảo	02/05/2004	Đà Nẵng	32TBN3	7.3	5.0	Đạt	
7	29212350694	Trần Gia	Bảo	20/04/2005	Phú Yên	32TYC6	9.3	9.0	Đạt	
8	29212353642	Nguyễn Hà	Chương	20/08/2004	Gia Lai	32TYC6	5.0	5.3	Đạt	
9	28212100198	Phạm Ngọc	Chương	21/06/2004	Quảng Ngãi	32CHT5	6.7	3.0	Không Đạt	
10	29212327379	Nguyễn Ngọc	Đạt	01/03/2005	Quảng Nam	32TYC6	7.0	5.3	Đạt	
11	29212320156	Nguyễn Thành	Đạt	03/08/2005	Hà Tĩnh	32TYC6	7.0	5.0	Đạt	
12	29206559271	Nguyễn Trần Thị Phươn	Diễm	25/05/2005	Đà Nẵng	32THT8	8.3	5.0	Đạt	
13	29212251115	Ngô Vạn	Đức	30/11/2005	Đà Nẵng	32CSC4	V	V	Không Đạt	
14	29212338519	Trịnh Văn	Đức	29/05/2005	Quảng Nam	32CHT5	9.7	5.3	Đạt	
15	29212243441	Võ Đông	Dũng	18/03/2004	Đà Nẵng	32CSC4	10.0	8.8	Đạt	
16	29212256589	Trương Phan	Duy	21/11/2005	Phú Yên	32CSC4	10.0	7.0	Đạt	
17	30209349918	Phan Lê Hồng	Duyên	12/10/2006	Đà Nẵng	32CSC4	9.0	4.0	Không Đạt	
18	28202700301	Tô Thị Mỹ	Duyên	01/03/2004	Bình Định	32TYC6	9.3	9.0	Đạt	
19	28208053243	Trần Hà	Giang	01/01/2004	Thanh Hoá	32TYC2	7.0	4.3	Không Đạt	
20	29206500085	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	23/02/2005	Đà Nẵng	32THT8	9.0	8.5	Đạt	
21	29206558609	Trương Thị Thanh	Hà	01/10/2005	Quảng Nam	32CHT5	9.0	6.0	Đạt	
22	28216202219	Trần Chí	Hào	09/10/2004	Đắk Nông	32CHT5	9.3	5.5	Đạt	
23	28212347202	Phạm Văn	Hậu	08/08/2004	Đắk Nông	32CHT5	4.3	3.5	Không Đạt	
24	28217438540	Nguyễn Minh	Hiển	27/08/2004	Nghệ An	32TYC6	V	V	Không Đạt	
25	28202702979	Trương Thị Diệu	Hoa	08/08/2004	Đà Nẵng	32CHT5	2.7	3.0	Không Đạt	
26	29212364368	Lê Vũ	Hoàng	21/08/2005	Quảng Nam	32TYC6	9.3	7.8	Đạt	
27	28217351091	Nguyễn Đức	Hoàng	10/09/2004	Thanh Hóa	32THT6	8.0	5.0	Đạt	
28	28217303342	Nguyễn Trần Khải	Hoàng	21/02/2004	Khánh Hòa	32TYC6	6.3	6.8	Đạt	
29	28205134887	Lê Trịnh Kim	Hoanh	30/10/2004	Quảng Ngãi	32CHT5	7.7	5.5	Đạt	
30	28207452509	Nguyễn Thị	Hồng	29/08/2004	Bình Định	32TYC6	9.0	6.5	Đạt	
31	30217357697	Lê Đình	Huy	22/02/2006	Bình Định	32TYC6	8.0	6.3	Đạt	
32	28204600226	Bùi Thị Thanh	Huyền	14/10/2004	Đắk Lắk	31TSC7	8.3	9.0	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
33	28208027850	Trần Thị Khánh	Huyền	04/12/2004	Đà Nẵng	31TSC9	8.3	5.5	Đạt	
34	27212146716	Đặng Văn	Khoa	17/02/2003	Kon Tum	32CSC4	V	V	Không Đạt	
35	29212241630	Phan Thanh	Lâm	24/12/2004	Quảng Bình	32CSC4	8.3	7.5	Đạt	
36	30206544997	Nguyễn Thị	Lan	19/08/2005	Nghệ An	32TBN6	7.0	3.3	Không Đạt	
37	28206500860	Trần Thị Nhật	Lệ	27/05/2004	Quảng Trị	31CSC9	8.3	2.3	Không Đạt	
38	26214300375	Nguyễn Bảo	Liêm	06/06/2001	Đà Nẵng	32CSC4	8.0	5.0	Đạt	
39	30207154065	Võ Thị Khánh	Linh	23/01/2006	Quảng Ngãi	32TYC6	9.0	8.5	Đạt	
40	28207452603	Trần Thị Khánh	Ly	19/08/2004	Thừa Thiên H	32TYC6	V	V	Không Đạt	
41	28208053404	Lê Thị Xuân	Mai	03/03/2004	Đắk Lắk	32TYC6	6.7	5.3	Đạt	
42	29212364094	Hoàng Thế	Mạnh	15/06/2005	Nghệ An	32CHT5	8.3	3.3	Không Đạt	
43	28204955032	Võ Lê Trà	My	26/04/2004	Quảng Bình	32SHT2	6.0	5.5	Đạt	
44	30206554643	Nguyễn Nữ Tố	Nga	08/11/2006	Quảng Bình	32SBN3	6.0	5.3	Đạt	
45	28205236715	Nguyễn Thị Tố	Nga	05/07/2004	Quảng Nam	31TYC1	7.0	3.5	Không Đạt	
46	27205450422	Nguyễn Cao Phương	Ngân	18/12/2003	Lâm Đồng	32TYC6	9.3	7.0	Đạt	
47	28207454667	Võ Thị Thanh	Ngân	22/07/2004	Bình Định	32TYC6	V	V	Không Đạt	
48	28214632280	Đinh Quốc	Ngọc	31/07/2004	Đà Nẵng	32CHT5	V	V	Không Đạt	
49	27205450423	Hồ Bích	Ngọc	14/06/2003	Quảng Bình	32TYC6	5.0	4.0	Không Đạt	
50	29212326219	Nguyễn Đăng	Nguyên	22/09/2005	Quảng Trị	32CHT5	8.3	5.0	Đạt	
51	28216204166	Trần Hữu	Nguyên	05/09/2004	Đà Nẵng	32CHT5	4.0	3.3	Không Đạt	
52	30207162356	Đặng Nguyễn Hoàn	Nhật	10/06/2006	Phú Yên	32CSC4	6.3	5.3	Đạt	
53	28212252266	Phạm Minh	Nhật	27/12/2004	Thừa Thiên H	32CHT5	9.0	5.0	Đạt	
54	30206754953	Đặng Ngọc Thảo	Nhi	07/05/2006	Đà Nẵng	32SBN3	5.3	4.8	Không Đạt	
55	28202900115	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	12/01/2003	Bến Tre	32CSC4	8.3	5.0	Đạt	
56	30207152440	Bùi Hồng	Như	03/09/2005	Quảng Bình	32TYC6	8.7	5.4	Đạt	
57	27218634038	Huỳnh Hữu	Phát	17/05/2003	Quảng Nam	30TBN10	7.0	5.0	Đạt	
58	28212601449	Nguyễn Quốc	Phong	09/07/2004	Đà Nẵng	32CHT5	6.0	3.9	Không Đạt	
59	28212654773	Nguyễn Văn	Phong	20/05/2004	Quảng Ngãi	32CHT5	6.3	2.8	Không Đạt	
60	30216258706	Nguyễn Trọng	Phước	14/09/2006	Đà Nẵng	32CBN4	V	8.5	Không Đạt	
61	26214328999	Nguyễn Võ	Sỹ	30/07/2002	Đà Nẵng	32CSC4	7.7	5.5	Đạt	
62	29212322369	Nguyễn Cao Minh	Thành	08/12/2005	Quảng Nam	32CHT5	9.0	7.5	Đạt	
63	30218026607	Nguyễn Ngọc	Thiệu	04/09/2005	Quảng Ngãi	32CSC4	8.3	7.5	Đạt	
64	28217402576	Vũ Hưng	Thịnh	16/12/2004	Khánh Hòa	32TYC6	V	V	Không Đạt	
65	29208258174	Đặng Thị Minh	Thư	28/05/2005	Quảng Nam	32CSC4	7.7	6.0	Đạt	
66	28202704399	Đặng Trần Mai	Thùy	01/10/2003	Đà Nẵng	32TYC6	8.0	6.0	Đạt	
67	28207404228	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	04/01/2004	Khánh Hòa	32TYC6	V	V	Không Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
68	28206551506	Nguyễn Thị	Tiến	05/08/2004	Nghệ An	31TBN4	**7.7**	**4.3**	**Không Đạt**	
69	27215302390	Bùi Minh	Toàn	27/06/2003	Đà Nẵng	32TYC6	**5.3**	**4.0**	**Không Đạt**	
70	28207434312	Diệp Thế Ngọc	Trâm	11/10/2004	Khánh Hòa	32CSC3	**7.0**	**5.0**	**Đạt**	
71	30204653436	Đoàn Thị Kiều	Trinh	25/06/2006	Quảng Bình	32CSC4	**8.7**	**3.8**	**Không Đạt**	
72	29206534378	Mai Thị Ngân	Trinh	05/05/2005	Quảng Nam	32CHT5	**9.7**	**7.3**	**Đạt**	
73	28201153429	Nguyễn Kiều	Trinh	16/06/2004	Hà Tĩnh	32CHT5	**7.3**	**7.0**	**Đạt**	
74	30207136897	Lê Tú	Uyên	23/10/2006	Kon Tum	32CSC4	**8.3**	**5.8**	**Đạt**	
75	31206669358	Nguyễn Võ Khánh	Vân	07/02/2007	Đà Nẵng	32CHT5	**5.3**	**6.5**	**Đạt**	
76	30217137299	Võ Huỳnh Yến	Vân	09/03/2006	Bình Định	32TYC6	**9.7**	**8.5**	**Đạt**	
77	29212355091	Đặng Khải	Viên	09/07/2005	Đà Nẵng	32CHT5	**7.3**	**7.5**	**Đạt**	
78	30202754271	Lương Phương	Vy	02/05/2006	Đà Nẵng	32CYC3	**5.0**	**4.0**	**Không Đạt**	
79	30207153242	Lưu Như	Ý	09/10/2006	Quảng Bình	32TYC6	**7.3**	**7.0**	**Đạt**	
80	28204625044	Tăng Thị Hải	Yến	07/10/2004	Hồ Chí Minh	31SBN8	**6.3**	**2.0**	**Không Đạt**	

TRUNG TÂM TIN HỌC

(Đã ký)

Dương Trương Quốc Khánh